

BIÊN BẢN HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Đông Á

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đông Á (“Công ty”) được triệu tập và tổ chức tại phòng họp Công ty Cổ phần Đông Á, 18 Nguyễn Xiển, tổ 23, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vào lúc 07h30 ngày 23 tháng 04 năm 2016.

A. PHẦN THỦ TỤC:

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Lê Quang Trung – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi khai mạc;

- Số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông ủy quyền hợp lệ và cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội là 1.347.474 cổ phần, chiếm 80,4 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 11/04/2016 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 là: 1.680.000 cổ phần)

- Theo quy định tại Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ được triệu tập hợp lệ khi có số cổ đông dự họp, theo hình thức tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .

Vi vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đông Á đã đủ điều kiện tiến hành.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông Lê Tiến Anh – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội
- Ông Hồ Thượng Hải – Thành viên HĐQT
- Bà Lê Thị Hương Dung – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành

3. Chủ tọa Đại hội cử Ban thư ký Đại hội gồm:

- Ông Lê Việt – Kế toán trưởng
- Ông Nguyễn Bùi Luân – Nhân viên phòng kế toán

Đại hội thông qua đoàn chủ tịch, chủ tọa, ban thư ký của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I. Thông qua nội dung chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội:

Ông Hồ Thượng Hải – thành viên HĐQT công bố, thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành.

II. Báo cáo và trình bày các vấn đề cần được cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội:

1. Ông Lê Tiến Anh – Chủ tịch HĐQT trình bày đánh giá chung hoạt động năm 2015 của Đông Á;
2. Bà Lê Thị Hương Dung – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc trình bày
 - 2.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 (*phụ lục 1*);
 - 2.2 Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán (*Phụ lục 2*);
 - 2.3 Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2015, 2016; Kế hoạch đầu tư năm 2016 (*phụ lục 3*);
 - 2.4 Báo cáo Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký (*Phụ lục 4*);
 - 2.5 Báo cáo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (*Phụ lục 5*);
 - 2.6 Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán (*Phụ lục 7*);
3. Ông Nguyễn Tấn Huy – Trưởng ban Kiểm soát trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 (*Phụ lục 6*);
4. Ông Lê Tiến Anh – Chủ tịch HĐQT giới thiệu danh sách đề cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2021 (*Phụ lục 8*);

III. Trao đổi và thảo luận các nội dung cần được ĐHĐCĐ thông qua tại đại hội:

Phản chất vấn của cổ đông và trả lời của Đoàn chủ tịch tại Đại hội:

Ý kiến cổ đông:

1. Hạng mục đầu tư Dây chuyền dợn sóng chính thức đưa vào sản xuất khi nào?
2. Cho biết rõ hơn hạng mục đầu tư khu văn phòng làm việc và công trình phúc lợi xây dựng ở đâu và phục vụ cho công việc gì?

Giải đáp của Đoàn chủ tịch:



1. Dây chuyền dợn sóng chính thức đưa vào sản xuất tháng 01-2017.
2. Khu văn phòng làm việc và công trình phúc lợi được xây dựng tại Xưởng 2 Đắc Lộc là nhà ăn ca và nhà làm việc cho bộ phận điều hành sản xuất, sản xuất gián tiếp...

IV. Biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết các nội dung báo cáo trước đại hội:

1. Bà Lê Thị Hương Dung – Giám đốc Công ty hướng dẫn cách thức và thể lệ biểu quyết.
2. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung cần được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết;

3. Các nội dung được biểu quyết:

3.1 Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100 % tán thành 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.2 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100 % tán thành 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.3 Thông qua Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, kế hoạch chia cổ tức 2015 – 2016

- Chia cổ tức năm 2015 : 20% mệnh giá; bằng tiền; thời gian chi từ 19/05/16
- Trích quỹ đầu tư phát triển : 1.940.063.602 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 1.293.375.735 đồng
- Trích quỹ ban điều hành : 237.981.738 đồng

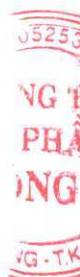
Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100 % tán thành 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.4 Thông qua Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2015-2017 và Phương thức chọn thầu Dây chuyền dợn sóng

- * Tổng mức đầu tư : 139.464 triệu đồng
- Trong đó, Dây chuyền dợn sóng* : 68.500 triệu đồng
- * Nguồn vốn tự có : 69.064 triệu đồng
- * Nguồn vốn vay : 70.400 triệu đồng
- Trong đó, vay đầu tư DC dợn sóng* 55.000 triệu đồng

*** Phương thức chọn thầu :**

- Đấu thầu hạn chế, không đăng báo mời thầu



- Không bắt buộc thực hiện đảm bảo dự thầu

- Phương thức chọn thầu: Chấm theo thang điểm đề xuất của đơn vị

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.5 Thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2015

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.6 Thông qua Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.7 Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

3.8 Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không ý kiến;

C. PHÂN BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2016-2021:

1. Ông Lê Quang Trung - Trưởng ban bầu cử thông qua thể lệ bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

2.1 Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021:

- | | |
|------------------------|-------------|
| - Bà Lê Thị Hương Dung | đạt: 107,2% |
| - Ông Hồ Thượng Hải | đạt: 97,4% |
| - Ông Đào Vũ Lâm | đạt: 95,5% |

2.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Ông Nguyễn Trung Kiên | đạt: 105,1% |
| - Ông Nguyễn Lê Quân | đạt: 103,2% |
| - Bà Lại Trần Hoài Khanh | đạt: 91,3% |

D. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI:




Biên bản này được ĐHCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đông Á thông qua toàn văn tại đại hội với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.




Chủ tọa Đại hội căn cứ nội dung Biên bản này ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và được thông qua toàn văn tại đại hội với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Đại hội bế mạc vào lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày.

BAN THƯ KÝ CUỘC HỌP


Nguyễn Bùi Luân

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**





Lê Tiên Anh

C.P. VN.

18, Nguyễn Xiển, tổ 23, Vĩnh Hải, Nha Trang
Khánh Hòa, Việt Nam
Tel/fax: 058.3831610

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2016

Số: 140 /2016/NQĐHĐCĐ-ĐA

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đông Á;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đông Á số 139/2016/BB-ĐHĐCĐ-ĐA ngày 23/04/2016.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015;
(Phụ lục 1 đính kèm)
 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AAC; (Phụ lục 2 đính kèm)
 3. Thông qua Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2015 – 2016;
- a. Phân phối lợi nhuận năm 2015:

Tổng số lợi nhuận sau thuế năm 2015 trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty đến ngày 31/12/2015 là: **12.933.757.345** đồng (Mười hai tỷ, chín trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng), được sử dụng/phân chia như sau:

- Trích các quỹ Đầu tư phát triển, Khen thưởng-Phúc lợi,... theo Điều lệ Công ty, cụ thể:
 - + Quỹ Đầu tư phát triển (15%): 1.940.063.602 đồng (Một tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, sáu mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng)
 - + Quỹ Khen thưởng-Phúc lợi (10%): 1.293.375.735 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng)
- Trích quỹ Ban điều hành (Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 202/NQĐHĐCĐ-ĐA ngày 19/05/2011): bằng 1% lợi nhuận kế hoạch trước thuế + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch = 237.981.738 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng)
- Chia cổ tức 20% mệnh giá bằng tiền cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, với tổng số tiền: 3.360.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng);

Thời gian chia cổ tức: Từ 19/05/2016



- Phần lợi nhuận còn lại 6.102.336.271 đồng (Sáu tỷ, một trăm lẻ hai triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng) bổ sung vốn đầu tư.

b. Kế hoạch chia cổ tức năm 2016 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
01	- Tổng doanh thu	Triệu đ	290.000
02	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	15.500
03	- Cổ tức	%	15%

4. Thông qua kế hoạch đầu tư giai đoạn 2015 – 2017 như sau: (Phụ lục 3 đính kèm)

ĐVT: trđ

STT	TÊN TÀI SẢN	Số lượng	Giá trị đầu tư	Ghi chú
I	Phần dự án đã thực hiện trong năm 2015		56.339	
1	Xây dựng cơ bản:		11.411	
1.1	Mở rộng nhà xưởng cơ sở II - Đặc Lộ	1	10.061	Diện tích xưởng: 5.040 m ² và các hạng mục: sân đường nội bộ, nhà xe, nhà vệ sinh, bể nước ngầm...
1.2	Hệ thống PCCC	1	666	
1.3	Trạm biến áp 560 kVA	1	684	
2	Máy móc thiết bị sản xuất		40.629	
2.1	Máy bẻ phẳng cán lăn tự động Eterna – Trung Quốc	1	5.820	Khổ giấy bẻ: Max: 1620x1200 mm Min: 650x450 mm
2.2	Máy in label 5 màu (Lintec LP300)	1	1.727	Nhật
2.3	Máy bồi tự động- hãng Yutian – Trung Quốc	1	1.488	Khổ giấy bồi: Max: 1300x1100 mm Min: 500x440 mm
2.4	Máy đóng đinh bán tự động- hãng Godswill Paper – Đài Loan	1	728	Khổ giấy Max: 1500x1300mm
2.5	Máy in Process 7 màu – hãng Dongfan – Trung Quốc	1	18.186	TOPRA GD1224
2.6	Máy in Offset – UV 6 màu – Mitsubishi Daiya	1	10.000	Nhật

2.7	Máy dán thùng tự động – hãng Foshan – Trung Quốc	1	1.188	Khổ giấy: Max: 1200x2600 mm Min: 250x800 mm
2.8	Xe Forklift TCM 3,0 tấn – hiệu TCM – Nhật	1	469	
2.9	Xe Forklift TCM 3,5 tấn – hiệu TCM – Nhật	1	1.023	Có càng kẹp
3	Phương tiện vận chuyển và khác		4.299	
3.1	Xe LandCruiser Prado 7 chỗ (phục vụ công tác thị trường) – Nhật	1	2.113	Dung tích: 2.694 cc
3.2	Xe tải 8 tấn – hiệu HINO – Nhật	1	1.409	
3.3	Đóng mới 2 thùng xe tải 8 tấn	2	527	Auto Quyền
3.4	Chi phí dời MMTB lên Xưởng Đắc lộc (Giai đoạn 1)	1	250	
II	Phần dự án tiếp tục triển khai trong 2016-2017		83.125	
1	Xây dựng cơ bản:		6.055	
1.1	Khu VP làm việc và công trình phúc lợi	1	5.488	
-	Nhà làm việc (1.400 m ² X 3,5 trđ/m ²)			
-	Nhà để xe (420 m ² X 1,4 trđ/m ²)			
1.2	Các hạng mục xây dựng phục vụ sản xuất (270m ² : kho chứa bột, than , nhà nồi hơi...)	1	567	
2	Máy móc thiết bị sản xuất và khác		77.070	
2.1	Mắt cắt tờ	1	2.278	Tốc độ: 300m/phút Khổ giấy max: 1400mm
2.2	Hệ thống Máy cán vân chiết quang	1	2.050	
2.3	Máy phóng dao tự động – hãng Foshan – Trung Quốc	1	2.142	Tốc độ SX: 180-200 tấm/phút
2.4	Nồi hơi	1	1.700	4 tấn hơi/ giờ
2.5	Dây chuyền dợn sóng 7 lớp – khổ 2.200 mm	1	68.500	Tốc độ thiết kế: 180 m/phút
-	Thiết bị sóng			
-	Móng máy – đường ống cấp hơi – vật tư điện...			
-	Chi phí vận chuyển – cầu máy – bảo hiểm - lắp đặt – thuê nhà thầu.			



2.6	Chi phí dời MMTB lên Xưởng Đắc Lộc (Giai đoạn 2)	1	400	
	Tổng mức đầu tư giai đoạn 2015-2017		139.464	

Nguồn vốn đầu tư : 139.464 triệu đồng

- Nguồn vốn tự có : 69.064 triệu đồng
- Nguồn vốn vay : 70.400 triệu đồng

Trong đó, vay đầu tư dây chuyền dơn sóng : 55.000 triệu đồng

5. Thông qua phương thức chọn thầu Dây chuyền dơn sóng 7 lớp – khổ 2.200 mm:

(Phụ lục 3 đính kèm)

• Mục tiêu:

- Chất lượng thiết bị: tính ổn định cao, bền.
- Sử dụng công nghệ tiên tiến: giảm nhiệt năng và tiêu hao năng lượng, đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Giá cả phù hợp.
- Nhà cung cấp có kinh nghiệm, uy tín và đã được người phụ trách kỹ thuật của Công ty tham quan đánh giá thực tế tại nhà máy sản xuất.
- Chọn những nhà thầu đã cung cấp thiết bị tại thị trường Việt Nam trong 3 năm gần nhất (2013-2014-2015).

• Hình thức chọn thầu:

- Đấu thầu hạn chế không đăng báo mời thầu.
- Không bắt buộc thực hiện đảm bảo dự thầu.
- Phương thức chọn thầu: chấm theo thang điểm đề xuất của đơn vị.

6. Thông qua báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS và Ban thư ký năm 2015, (Phụ lục 4 đính kèm) cụ thể:

- Đã chi thù lao HĐQT, BKS, TK : 93.000.000 đồng
(Theo NQ ĐHĐCĐ số 225/NQĐHĐCĐ-ĐA ngày 17/05/2013)

7. Thông qua báo cáo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (Phụ lục 5 đính kèm);

8. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát, quản lý Công ty năm 2015 (phụ lục 6 đính kèm);

9. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016 (Phụ lục 7 đính kèm);

10. Thông qua chương trình bầu cử Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021, theo đó:

Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	Bà Lê Thị Hương Dung
2	Ông Hồ Thượng Hải
3	Ông Đào Vũ Lâm

Danh sách trúng cử Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	Ông Nguyễn Trung Kiên
2	Ông Nguyễn Lê Quân
3	Bà Lại Trần Hoài Khanh

11. Thi hành nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, ban Giám đốc Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Lê Tiên Anh

Nơi nhận:

- Các cổ đông, UBCK, SGDCK
- Lưu HĐQT

Số: 141 /BC-HĐQT

Nha Trang, ngày 23 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO
CỦA HĐQT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

I. Phần đánh giá chung hoạt động của HĐQT:

Năm 2015, Hội đồng quản trị (HĐQT) cùng lãnh đạo Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng hướng và hiệu quả. Tích cực đưa ra các quyết định chiến lược, chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

Giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc - đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ quy định pháp luật và đúng định hướng;

Tổ chức họp HĐQT, ĐHĐCĐ, thực hiện chia cổ tức, lưu ký cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2016 và các tờ trình ĐHĐCĐ.

II. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2015:**1. Đánh giá của Công ty kiểm toán và các chỉ số tài chính:**

Báo cáo tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Phân tích các chỉ số tài chính năm 2015:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Đánh giá
1	Tài sản ngắn hạn	97.152.881.775	
2	Tồn kho	7.238.918.638	
3	Tổng Tài sản	130.623.583.136	
4	Nợ phải trả ngắn hạn	54.781.108.212	
5	Vốn chủ sở hữu	64.388.698.352	
6	Lợi nhuận sau thuế	12.933.757.345	

7	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/nợ ngắn hạn).	1.77	Tình hình thanh toán của công ty hiện tại rất tốt vì theo thông lệ, hệ số thanh toán nhanh chỉ cần > 0,5 là chấp nhận được. Tuy nhiên vì khả năng sinh lời của tài sản lưu động rất thấp nên để ổn định sự phát triển trung và dài hạn, Công ty cần đẩy mạnh đầu tư vào TSCĐ – Hiện Công ty đã và đang đầu tư thay thế, hiện đại hóa nhiều thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và năng suất lao động.
8	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)	1.64	
9	ROA (Tỷ suất LNST/tổng TS)	9.9%	Khả năng sinh lời của Công ty ổn định qua các năm.
10	ROE (Tỷ suất LNST/VCSH)	20.1%	
11	EPS	6.787	Chỉ số thu nhập này rất cao và hiện đang nằm trong 5 doanh nghiệp dẫn đầu của ngành bao bì.

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015:

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Thực hiện/kế hoạch(%)
01	- Tổng doanh thu	tr đ	255.000	283.429	111,2
02	- Lợi nhuận thực hiện	tr đ	15.000	16.760	111,7
03	- Cổ tức	tr đ	15	20	133,3

3. Công tác đầu tư trong năm 2015:

ĐVT: tr đ

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư (không VAT)		
		Tổng cộng	Vốn của đơn vị	Vốn vay
	Tổng mức đầu tư 2015	56.339	41.367	14.972
1	Mở rộng nhà xưởng cơ sở II - Đặc Lộ	10.061	10.061	
2	Hệ thống PCCC	666	666	
3	Trạm biến áp 560 kVA	684	684	
4	Máy bẻ phẳng cán lăn tự động Eterna	5.820	5.820	
5	Máy in label	1.727	1.727	
6	Đóng mới 2 thùng xe tải 8 tấn	527	527	
7	Xe LandCruiser Prado 7 chỗ (phục vụ công tác thị trường)	2.113	2.113	

8	Xe tải 8 tấn (HINO)	1.409	1.409	
9	Máy bồi tự động	1.488	1.488	
10	Máy đóng đinh bán tự động	728	728	
11	Máy in process 7 màu	18.186	3.214	14.972
12	Máy in Offset – UV (Nhật)	10.000	10.000	
13	Xe Forklift TCM 3,0 tấn	469	469	
14	Xe Forklift TCM 3,5 tấn	1.023	1.023	
15	Máy dán thùng tự động	1.188	1.188	
16	Chi phí di dời MMTB lên Xưởng Đắc Lộc GD I	250	250	

4. Kế hoạch đầu tư năm 2016-2017:

Số TT	CHỈ TIÊU	Tổng mức đầu tư (không VAT)		
		Tổng cộng	Vốn của đơn vị	Vốn vay
	Tổng mức đầu tư 2016-2017	83.125	27.697	55.428
17	Khu VP làm việc và công trình phúc lợi	5.488	5.488	
	- Nhà làm việc (1.400 m ² x 3,5 trđ/m ²)			
	- Nhà để xe (420 m ² x 1,4 trđ/m ²)			
18	Các hạng mục xây dựng phục vụ SX (270m ² : kho chứa bột, than, nhà nổi hơi...)	567	567	
19	Máy cắt tờ	2.278	1.850	428
20	Hệ thống Máy cán vân chiết quang	2.050	2.050	
21	Máy phóng dao tự động	2.142	2.142	
22	Nồi hơi	1.700	1.700	
23	Dây chuyền dợn sóng 7 lớp – khổ 2.200 mm	68.500	13.555	55.000
-	Thiết bị sóng			
-	Móng máy – đường ống cấp hơi – vật tư điện...			
-	Chi phí vận chuyển – cầu máy – bảo hiểm - lắp đặt – thuê nhà thầu.			
24	Chi phí di dời MMTB lên Xưởng Đắc Lộc (Giai đoạn 2)	400	400	
	Tổng mức đầu tư 2015-2017	139.464	69.064	70.400

Hiện Công ty đang triển khai mạnh đầu tư máy móc thiết bị hiện đại song song tăng cường công tác mở rộng thị phần. Để giải quyết phần nào nguồn vốn đầu tư, giảm áp lực vốn vay, Công ty có kế hoạch chia cổ tức năm 2016 là 15%.

IV. Định hướng:

Để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra - năm sau phát triển hơn năm trước, các mục tiêu được đặt ra như sau:

- Bám sát, đảm bảo giữ vững các thị trường hiện có;
- Các hạng mục đầu tư: đẩy nhanh tiến độ và lựa chọn nhà cung cấp uy tín.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nhân lực với tầm nhìn dài hạn;
- Đảm bảo năng suất, chất lượng dịch vụ, tập trung nguồn lực đầu tư thay thế, đổi mới công nghệ trong quản lý cũng như sản xuất;

1. Kế hoạch SXKD năm 2016:

- Tổng doanh thu : 290.000 tr đ
- Lợi nhuận trước thuế : 15.500 tr đ
- Cổ tức : 15%

2. Kế hoạch đầu tư:

Năm 2016 : 83.125 triệu đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ: 32.055 triệu đồng/ 108.685 tr đ (29,49%) – Trong năm đã đầu tư, đổi mới nhiều máy móc, thiết bị. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạng mục cần thay thế đổi mới. Với định hướng phát triển bền vững, tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị phần, sự cần thiết phải tiếp tục đầu tư thiết bị mới, đồng bộ và tự động hóa ở nhiều khâu, bộ phận nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn được bổ sung từ lợi nhuận còn lại sau khi phân phối, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, trân trọng gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi gửi:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCK, HĐQT, BKS;
- Lưu TK-HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tiến Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Á công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Đông Á thuộc Tổng Công ty Khánh Việt theo Quyết định số 677/QĐ-UB ngày 19/03/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000061 ngày 17/06/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/06/2013 với mã số doanh nghiệp là 4200525354), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 04/05/2010 với mã chứng khoán DAP (UpCOM).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 16.800.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 16.800.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Khánh Việt) chiếm tỷ lệ 29% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 18 Nguyễn Xiển, Tổ 23, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 058.3544246
- Fax: (84) 058.3831957
- Website: www.donga.khatoco.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy các loại);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại);
- In ấn (Chi tiết: In bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy và nguyên liệu giấy, bao bì.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 315 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 34 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|-----------------------------|
| • Ông Lê Tiến Anh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 21/5/2012 |
| • Bà Lê Thị Hương Dung | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2012 |
| • Ông Hồ Thượng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2012 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Đào Vũ Lâm Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2012

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Tấn Huy Trưởng ban Bổ nhiệm lại ngày 21/05/2012
- Ông Nguyễn Lê Quân Ủy viên Bổ nhiệm ngày 19/5/2012
- Ông Phan Trường Minh Ủy viên Bổ nhiệm ngày 19/5/2012

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Bà Lê Thị Hương Dung Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/02/2006
- Ông Phạm Bá Minh Phó Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/02/2006
- Ông Lê Việt Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 07/01/2013

Kiểm toán độc lập

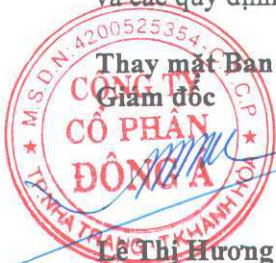
Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ĐÔNG Á

NHA TRANG

THÀNH PHỐ

ĐÔNG Á

ĐÔNG Á

ĐÔNG Á

ĐÔNG Á

ĐÔNG Á

Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 26 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 408/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2016, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Đặng Xuân Lộc

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.152.881.775	76.951.229.192
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.532.086.023	34.430.618.897
1. Tiền	111	5	11.332.086.023	4.842.452.230
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	19.200.000.000	29.588.166.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.300.000.000	1.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	1.300.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.439.183.780	28.121.822.274
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	38.041.189.497	30.008.355.778
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	21.482.953.776	900.769.100
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	379.550.133	621.822.116
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(3.464.509.626)	(3.409.124.720)
IV. Hàng tồn kho	140	12	7.238.918.638	12.229.578.953
1. Hàng tồn kho	141		7.238.918.638	12.229.578.953
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.693.334	669.209.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	33.838.307	46.622.164
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.403.564.126	258.085.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18b	205.290.901	364.500.951
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.470.701.361	22.415.935.676
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.055.187.676	21.687.934.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	32.055.187.676	21.687.934.852
- Nguyên giá	222		108.685.035.140	85.046.689.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.629.847.464)	(63.358.754.366)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		466.300.469	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	466.300.469	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		949.213.216	728.000.824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	949.213.216	728.000.824
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		130.623.583.136	99.367.164.868

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.234.884.784	41.514.576.378
I. Nợ ngắn hạn	310		54.781.108.212	41.514.576.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	35.661.671.624	24.520.804.198
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.314.400	5.230.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18a	1.375.877.412	875.849.145
4. Phải trả người lao động	314		14.062.937.991	13.430.878.630
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	838.104.744	680.807.360
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.835.202.041	2.001.007.045
II. Nợ dài hạn	330		11.453.776.572	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	11.453.776.572	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.388.698.352	57.852.588.490
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	64.388.698.352	57.852.588.490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	16.800.000.000	16.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.800.000.000	16.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	13.909.976.838	13.909.976.838
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	14.286.850.577	12.538.474.417
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	19.391.870.937	14.604.137.235
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.458.113.592	2.948.296.164
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.933.757.345	11.655.841.071
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.623.583.136	99.367.164.868



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	283.431.022.917	250.705.240.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.880.000	5.416.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		283.429.142.917	250.699.824.549
4. Giá vốn hàng bán	11	25	247.713.684.946	220.427.983.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		35.715.457.971	30.271.840.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.114.462.677	1.556.727.050
7. Chi phí tài chính	22	27	12.175.545	66.001.327
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28a	11.312.111.955	8.431.984.143
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	8.999.838.526	8.379.987.888
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.505.794.622	14.950.594.646
11. Thu nhập khác	31	29	263.942.576	105.752.831
12. Chi phí khác	32	30	10.102.441	15.079.949
13. Lợi nhuận khác	40		253.840.135	90.672.882
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.759.634.757	15.041.267.528
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.825.877.412	3.385.426.457
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.933.757.345	11.655.841.071
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	6.787	6.130
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	6.787	6.130



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		294.259.390.847	273.698.793.172
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(211.787.315.847)	(215.221.758.915)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.961.539.000)	(29.382.501.220)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18a	(3.244.527.345)	(3.783.048.866)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.615.019.648	5.535.150.786
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.987.871.289)	(16.968.497.196)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.893.157.014	13.878.137.761
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(43.904.046.528)	(3.935.085.469)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		220.312.727	35.460.050
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		1.500.000.000	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		(1.300.000.000)	7.300.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 26	1.257.941.199	1.997.326.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.225.792.602)	3.897.701.024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	11.453.776.572	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(5.040.000.000)	(5.040.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.413.776.572	(5.040.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.918.859.016)	12.735.838.785
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	34.430.618.897	21.689.191.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		20.326.142	5.588.480
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	30.532.086.023	34.430.618.897



Giám đốc

Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Đông Á thuộc Tổng Công ty Khánh Việt theo Quyết định số 677/QĐ-UB ngày 19/03/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000061 ngày 17/06/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/06/2013 với mã số doanh nghiệp là 4200525354), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 04/05/2010 với mã chứng khoán DAP (UpCOM).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 16.800.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 16.800.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Khánh Việt) chiếm tỷ lệ 29% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy các loại);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại);
- In ấn (Chi tiết: In bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy và nguyên liệu giấy, bao bì.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 38) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 8
Máy móc, thiết bị	2,5 – 5
Phương tiện vận tải	5 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với bao bì bán nội địa, hoạt động in ấn bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại: Áp dụng thuế suất 10%.
 - ✓ Đối với bao bì xuất khẩu: Áp dụng thuế suất là 0%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	1.081.475.671	320.577.921
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.250.610.352	4.521.874.309
Cộng	11.332.086.023	4.842.452.230

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Khánh Hòa	10.500.000.000	16.088.166.667
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Nha Trang	4.700.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình-CN Khánh Hòa	-	8.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- CN Khánh Hòa	4.000.000.000	-
Cộng	19.200.000.000	29.588.166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính – Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	1.300.000.000	1.300.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- NH TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN -CN Khánh Hòa	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Cộng	1.300.000.000	1.300.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

8. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Liên doanh Thuốc lá Bat-Vinataba	2.542.699.500	1.115.862.000
Công ty TNHH MTV Nước giải khát Yến Sào Diên Khánh	2.321.064.900	-
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	3.771.199.190	3.492.640.250
Các đối tượng khác	29.406.225.907	25.399.853.528
Cộng	38.041.189.497	30.008.355.778

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	3.771.199.190	3.492.640.250
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In Bao bì Khatoco)	886.416.910	442.100.510
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	-	32.472.500
Công ty Thuốc lá Nguyễn liệu Khatoco	505.488.500	-
Cộng	5.163.104.600	3.967.213.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Guangdong Dongfang Precision Science & Technology Co.Ltd	14.183.776.576	-
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	6.533.000.000	222.750.000
Các đối tượng khác	766.177.200	678.019.100
Cộng	21.482.953.776	900.769.100

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền thuế TNCN	-	-	13.453.200	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	68.189.722	-	242.512.609	-
Tạm nộp BHYT 6 tháng đầu năm 2015	-	-	220.061.220	-
Tạm ứng	169.155.761	-	110.692.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	139.204.650	-	32.103.087	-
Cộng	379.550.133	-	621.822.116	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	3.464.509.626	3.409.124.720
- Từ 3 năm trở lên	3.464.509.626	3.261.226.606
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	147.898.114
Cộng	3.464.509.626	3.409.124.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	3.464.509.626	-		
- Công ty TNHH Hải Hà	328.544.120	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Trúc An	388.493.292	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	185.562.200	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Thủy sản Thái Bình Dương	275.232.870	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	2.286.677.144	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
Cộng	3.464.509.626	-		
	01/01/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	3.472.509.627	63.384.906		
- Công ty TNHH Hải Hà	328.544.120	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Trúc An	388.493.292	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	185.562.200	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Thủy sản Thái Bình Dương	275.232.870	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	2.294.677.145	63.384.906	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
Cộng	3.472.509.627	63.384.906		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.889.485.140	-	11.913.533.738	-
Thành phẩm	348.323.498	-	305.925.215	-
Hàng hóa	1.110.000	-	10.120.000	-
Cộng	7.238.918.638	-	12.229.578.953	-

- Không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	33.838.307	46.622.164
Cộng	33.838.307	46.622.164

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	606.357.694	173.758.569
Chi phí sửa chữa máy in	-	305.625.000
Chi phí gia công lắp đặt sàn gác kho	124.308.627	248.617.255
Chi phí sửa chữa hệ thống nước thải	174.649.996	-
Chi phí sửa chữa phòng kỹ thuật	43.896.899	-
Cộng	949.213.216	728.000.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	19.557.832.004	58.019.313.770	7.224.699.553	244.843.891	85.046.689.218
Mua sắm trong kỳ	-	11.383.327.759	4.675.928.910	-	16.059.256.669
Đ/tư XD/CB h/thành	10.061.085.829	-	-	-	10.061.085.829
T/lý, nhượng bán	-	2.481.996.576	-	-	2.481.996.576
Số cuối kỳ	29.618.917.833	66.920.644.953	11.900.628.463	244.843.891	108.685.035.140
Khấu hao					
Số đầu kỳ	13.430.094.878	44.704.396.771	5.044.748.950	179.513.767	63.358.754.366
Khấu hao trong kỳ	1.974.550.898	12.184.176.654	1.558.257.203	36.104.919	15.753.089.674
T/lý, nhượng bán	-	2.481.996.576	-	-	2.481.996.576
Số cuối kỳ	15.404.645.776	54.406.576.849	6.603.006.153	215.618.686	76.629.847.464
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	6.127.737.126	13.314.916.999	2.179.950.603	65.330.124	21.687.934.852
Số cuối kỳ	14.214.272.057	12.514.068.104	5.297.622.310	29.225.205	32.055.187.676

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 48.858.440.966 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Mua sắm	452.301.636	-
- Chi phí mua máy in bầy màu	452.301.636	-
Xây dựng cơ bản	13.998.833	-
- Công trình Nhà máy số 2 Đắc Lộ	13.998.833	-
Cộng	466.300.469	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Xưởng giấy Chánh Dương	9.694.482.930	8.719.387.930
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	4.745.723.400	3.283.851.230
Công ty Cổ phần Giấy Rạng Đông	4.246.158.500	3.647.847.160
Các đối tượng khác	16.975.306.794	8.869.717.878
Cộng	35.661.671.624	24.520.804.198

17. Người mua trả tiền trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	7.314.400	-
Các đối tượng khác	-	5.230.000
Cộng	7.314.400	5.230.000

b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Chung công ty đầu tư	7.314.400	-
Cộng		7.314.400	-

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	5.261.311.349	5.261.311.349	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.420.325.658	3.420.325.658	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	385.090.067	385.090.067	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	794.527.345	3.825.877.412	3.244.527.345	1.375.877.412
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	81.321.800	290.256.800	371.578.600	-
Các loại thuế khác	-	49.552.068	49.552.068	-
Phí và lệ phí	-	232.444.808	232.444.808	-
Cộng	875.849.145	13.464.858.162	12.964.829.895	1.375.877.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	364.500.951	409.750.750	250.540.700	205.290.901
Cộng	364.500.951	409.750.750	250.540.700	205.290.901

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả CBCNV (Tiền Tổng Công ty hỗ trợ)	436.950.000	94.287.000
Kinh phí công đoàn	116.250.632	67.267.862
Thuế TNCN thu thừa phải trả lại CBCNV	270.525.300	115.406.838
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.378.812	403.845.660
Cộng	838.104.744	680.807.360

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	11.453.776.572	-	11.453.776.572
- Ngân hàng TM Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa		11.453.776.572	-	11.453.776.572
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Cộng	-	11.453.776.572	-	11.453.776.572

- Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng vay số 164/2015-HĐTD/NHCT 580/KHDN ngày 14/12/2015, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng, lãi suất: 6,5% cho năm đầu tiên, từ tháng 13 trở đi lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau (+) biên độ 2,5%/năm và lãi quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn tương ứng. Thời hạn thanh toán nợ gốc 3 tháng 1 lần và lãi vay vào ngày 5 hàng tháng. Công ty đã giải ngân lần đầu tiên vào ngày 15/12/2015, số tiền: 11.453.776.572 đồng. Hiện nay, chưa có lịch trả nợ cụ thể đối với các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	16.800.000.000	13.909.976.838	-	9.225.786.572	1.680.000.000	10.884.585.630	52.500.349.040
Tăng trong kỳ	-	-	5.588.480	1.632.687.845	-	11.655.841.071	13.294.117.396
Giảm trong kỳ	-	-	5.588.480	-	-	7.936.289.466	7.941.877.946
Số dư tại 31/12/2014	16.800.000.000	13.909.976.838	-	10.858.474.417	1.680.000.000	14.604.137.235	57.852.588.490
Chuyển số dư (*)				1.680.000.000	(1.680.000.000)		
Số dư tại 01/01/2015	16.800.000.000	13.909.976.838	-	12.538.474.417	-	14.604.137.235	57.852.588.490
Tăng trong kỳ	-	-	20.326.142	1.748.376.160	-	12.933.757.345	14.702.459.647
Giảm trong kỳ	-	-	20.326.142	-	-	8.146.023.643	8.166.349.785
Số dư tại 31/12/2015	16.800.000.000	13.909.976.838	-	14.286.850.577	-	19.391.870.937	64.388.698.352

(*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo qui định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Khánh Việt	4.872.000.000	4.872.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.928.000.000	11.928.000.000
Cộng	16.800.000.000	16.800.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	16.800.000.000	16.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	16.800.000.000	16.800.000.000
Cổ tức đã chia	5.040.000.000	5.040.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.680.000	1.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/05/2015 đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2014 bằng tiền là 30% vốn điều lệ (tương ứng 5.040.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2015.

f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	14.604.137.235	10.884.585.630
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	12.933.757.345	11.655.841.071
Phân phối lợi nhuận	8.146.023.643	7.936.289.466
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	8.146.023.643	7.936.289.466
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.748.376.160	1.632.687.845
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.165.584.107	1.088.458.563
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	192.063.376	175.143.058
+ Trả cổ tức bằng tiền	5.040.000.000	5.040.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	19.391.870.937	14.604.137.235

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 99/2015/NQĐHCD-ĐA ngày 19/05/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ (USD)	12.139,25	2.813,58
Cộng	12.139,25	2.813,58

b. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty FLD Việt Nam	158.541.013	Khách hàng đã phá sản

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu từ bán thành phẩm	275.502.010.500	243.597.484.487
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên liệu	7.929.012.417	7.107.756.262
Cộng	283.431.022.917	250.705.240.749

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Giảm giá hàng bán	1.880.000	5.021.300
Hàng bán bị trả lại	-	394.900
Cộng	1.880.000	5.416.200

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn của thành phẩm đã bán	239.990.500.134	213.394.083.286
Giá vốn hàng hóa, nguyên liệu đã bán	7.723.184.812	7.033.900.309
Cộng	247.713.684.946	220.427.983.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.015.428.590	1.304.951.308
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	68.189.722	242.512.609
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	10.518.223	3.674.653
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	20.326.142	5.588.480
Cộng	1.114.462.677	1.556.727.050

27. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	12.175.545	66.001.327
Cộng	12.175.545	66.001.327

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	1.374.308.726	1.193.864.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.204.416.186	508.776.480
Chi phí vận chuyển	2.204.123.523	2.338.251.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.529.263.520	4.391.091.432
Cộng	11.312.111.955	8.431.984.143

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	6.337.393.565	5.715.913.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.019.457	165.934.250
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	174.489.866	66.055.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.892.268	525.617.344
Chi phí bằng tiền khác	1.749.043.370	1.906.467.546
Cộng	8.999.838.526	8.379.987.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	220.312.727	32.236.409
Thu nhập khác	43.629.849	73.516.422
Cộng	263.942.576	105.752.831

30. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Xử lý công nợ có số dư nhỏ	10.102.441	15.079.949
Cộng	10.102.441	15.079.949

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.759.634.757	15.041.267.528
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	630.717.116	347.034.551
- Điều chỉnh tăng	651.043.258	352.623.031
+ Chi phí không hợp lệ	625.698.450	352.623.031
+ Chi nộp phạt thuế	25.344.808	-
- Điều chỉnh giảm	20.326.142	5.588.480
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tài khoản tiền	20.326.142	5.588.480
Tổng thu nhập chịu thuế	17.390.351.873	15.388.302.079
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.825.877.412	3.385.426.457
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.825.877.412	3.385.426.457
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.933.757.345	11.655.841.071
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.531.357.473)	(1.357.647.483)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.531.357.473	1.357.647.483
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.402.399.873	10.298.193.588
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.680.000	1.680.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.787	6.130

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.773.861.942	165.091.905.961
Chi phí nhân công	37.951.616.027	34.198.119.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.753.089.694	14.319.934.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.367.077.842	10.489.054.451
Chi phí khác bằng tiền	8.443.818.487	6.696.169.309
Cộng	260.289.463.992	230.795.183.211

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm từ giấy và bao bì và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng hóa có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu nợ ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính		
- USD	12.139,25	11.176,78
Nợ phải trả tài chính		
- USD	24.841,79	-

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty rất đa dạng ở nhiều địa bàn khác nhau, chủ yếu là các đơn vị, tổ chức kinh doanh thủy hải sản và các Công ty thành viên trong Tổng Công ty Khánh Việt. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty đã xây dựng chính sách hạn mức tín dụng nợ cho từng đối tượng khách hàng phù hợp; giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp. Ngoài ra, đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	35.661.671.624	-	35.661.671.624
Vay và nợ thuê tài chính	-	11.453.776.572	11.453.776.572
Phải trả khác	721.854.112	-	721.854.112
Cộng	36.383.525.736	11.453.776.572	47.837.302.308

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.520.804.198	-	24.520.804.198
Phải trả khác	613.539.498	-	613.539.498
Cộng	25.134.343.696	-	25.134.343.696

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.532.086.023	-	30.532.086.023
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	34.576.679.871	-	34.576.679.871
Phải thu khác	210.394.372	-	210.394.372
Cộng	66.619.160.266	-	66.619.160.266

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.430.618.897	-	34.430.618.897
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	26.599.231.058	-	26.599.231.058
Phải thu khác	291.068.896	-	291.068.896
Cộng	62.820.918.851	-	62.820.918.851

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khánh Việt	Công ty đầu tư
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In bao bì Khatoco)	Chung Công ty đầu tư
Xí nghiệp May Khatoco	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Chung Công ty đầu tư
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công viên Du lịch Yangbay	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Bán hàng (doanh thu)			
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Bán bao bì carton	37.150.428.600	34.081.747.600
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In bao bì Khatoco)	Bán bao bì carton	5.476.813.191	4.945.701.700
Xí nghiệp May Khatoco	Bán bao bì carton	1.215.098.000	1.301.009.900
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Bán bao bì carton	1.091.132.200	1.774.346.800
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Bán bao bì carton	1.342.565.000	1.391.480.000
Mua hàng (công nợ có VAT)			
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Mua BHLĐ, v/chuyên	380.473.000	385.443.000
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	Mua giấy, gia công hộ	91.564.500	43.592.650
Công ty CP Du lịch Long Phú	Du lịch	-	807.664.000
Công viên Du lịch Yangbay	Dịch vụ ăn uống	110.440.000	-
Các giao dịch khác			
Tổng Công ty Khánh Việt	Trả cổ tức	1.461.600.000	1.461.600.000

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	31/12/2015	01/01/2015
Thù lao Hội đồng quản trị	54.000.000	108.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.434.124.000	1.155.174.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	508.130.116	621.822.116
Tài sản ngắn hạn khác	113.692.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	10.858.474.417	12.538.474.417
Quỹ dự phòng tài chính	1.680.000.000	-



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

Số: 142/PA-HĐQT

Nha Trang, ngày 23 tháng 4 năm 2016

PHƯƠNG ÁN
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ KẾ HOẠCH CHIA CỔ TỨC NĂM 2015, 2016
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đông Á;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán ngày 26/03/2016,
- Hội đồng quản trị Công ty CP Đông Á báo cáo ĐHĐCĐ các phương án cụ thể sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2015

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH
Vốn điều lệ	Đồng	16.800.000.000	16.800.000.000	
Tổng số lượng cổ phần	Cổ phần	1.680.000	1.680.000	
Tổng doanh thu	Đồng	255.000.000.000	283.429.142.917	111%
LN trước thuế TNDN	Đồng	15.000.000.000	16.759.634.757	112%
LN sau thuế TNDN	Đồng	11.700.000.000	12.933.757.345	111%
Trích các quỹ:	Đồng			
Quỹ đầu tư phát triển (15%)	Đồng		1.940.063.602	
Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	Đồng		1.293.375.735	
Quỹ Ban điều hành	Đồng		237.981.738	
Đề xuất chia cổ tức	Đồng	2.520.000.000	3.360.000.000	133%
Lợi nhuận sau khi phân phối	Đồng		6.102.336.271	

- Quỹ Ban điều hành: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 202/NQĐHĐCĐ-ĐA ngày 19/05/2011: Hàng năm sau khi có kết quả kiểm toán, HĐQT được quyền trích quỹ Ban điều hành như sau: bằng 1% lợi nhuận kế hoạch trước thuế + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

Tuy tình hình cạnh tranh gay gắt trên thị trường vẫn tiếp tục tăng nhưng nhờ việc đầu tư đúng hướng, có hiệu quả và công tác thị trường được triển khai tốt giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Nhằm bổ sung thêm vốn để tiếp tục đầu tư trong năm 2016, mức chia cổ tức trong năm là 20% mệnh giá.

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, thời gian chi từ 19/05/2016.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2015-2017:



STT	TÊN TÀI SẢN	Số lượng	Giá trị đầu tư	Ghi chú
I	Phân dự án đã thực hiện trong năm 2015		56.339	
1	Xây dựng cơ bản:		11.411	
1.1	Mở rộng nhà xưởng cơ sở II - Đắc Lộc	1	10.061	Diện tích xưởng: 5.040 m ² và các hạng mục: sân đường nội bộ, nhà xe, nhà vệ sinh, bể nước ngầm...
1.2	Hệ thống PCCC	1	666	
1.3	Trạm biến áp 560 kVA	1	684	
2	Máy móc thiết bị sản xuất		40.629	
2.1	Máy bẻ phẳng cán lăn tự động Eterna – Trung Quốc	1	5.820	Khổ giấy bẻ: Max: 1620x1200 mm Min: 650x450 mm
2.2	Máy in label 5 màu (Lintec LP300)	1	1.727	Nhật
2.3	Máy bồi tự động- hãng Yutian – Trung Quốc	1	1.488	Khổ giấy bồi: Max: 1300x1100 mm Min: 500x440 mm
2.4	Máy đóng đinh bán tự động- hãng Godswill Paper – Đài Loan	1	728	Khổ giấy Max: 1500x1300mm
2.5	Máy in Process 7 màu – hãng Dongfan – Trung Quốc	1	18.186	TOPRA GD1224
2.6	Máy in Offset – UV 6 màu – Mitsubishi Daiya	1	10.000	Nhật
2.7	Máy dán thùng tự động – hãng Foshan – Trung Quốc	1	1.188	Khổ giấy: Max: 1200x2600 mm Min: 250x800 mm
2.8	Xe Forklift TCM 3,0 tấn – hiệu TCM – Nhật	1	469	
2.9	Xe Forklift TCM 3,5 tấn – hiệu TCM – Nhật	1	1.023	Có cang kẹp
3	Phương tiện vận chuyển và khác		4.299	
3.1	Xe LandCruiser Prado 7 chỗ (phục vụ công tác thị trường) – Nhật	1	2.113	Dung tích: 2.694 cc
3.2	Xe tải 8 tấn – hiệu HINO – Nhật	1	1.409	
3.3	Đóng mới 2 thùng xe tải 8 tấn	2	527	Auto Quyền
3.4	Chi phí dời MMTB lên Xưởng Đắc lộc (Giai đoạn 1)	1	250	

II	Phần dự án tiếp tục triển khai trong 2016-2017		83.125	
1	Xây dựng cơ bản:		6.055	
1.1	Khu VP làm việc và công trình phúc lợi	1	5.488	
-	Nhà làm việc (1.400 m ² X 3,5 trđ/m ²)			
-	Nhà để xe (420 m ² X 1,4 trđ/m ²)			
1.2	Các hạng mục xây dựng phục vụ sản xuất (270m ² : kho chứa bột, than , nhà nồi hơi...)	1	567	
2	Máy móc thiết bị sản xuất và khác		77.070	
2.1	Mắt cắt tờ	1	2.278	Tốc độ: 300m/phút Khô giấy max: 1400mm
2.2	Hệ thống Máy cán vùn chiết quang	1	2.050	
2.3	Máy phóng dao tự động – hãng Foshan – Trung Quốc	1	2.142	Tốc độ SX: 180-200 tấm/phút
2.4	Nồi hơi	1	1.700	4 tấn hơi/ giờ
2.5	Dây chuyền dợn sóng 7 lớp – khổ 2.200 mm	1	68.500	Tốc độ thiết kế: 180 m/phút
-	Thiết bị sóng			
-	Móng máy – đường ống cấp hơi – vật tư điện...			
-	Chi phí vận chuyển – cầu máy – bảo hiểm - lắp đặt – thuê nhà thầu.			
2.6	Chi phí dời MMTB lên Xưởng Đắc Lộc (Giai đoạn 2)	1	400	
	Tổng mức đầu tư giai đoạn 2015-2017		139.464	

1. Nguồn vốn đầu tư : 139.464 triệu đồng

- Nguồn vốn tự có : 69.064 triệu đồng
- Nguồn vốn vay : 70.400 triệu đồng

Trong đó: vay đầu tư dây chuyền dợn sóng: 55.000 triệu đồng

2. Phương thức chọn thầu Dây chuyền dợn sóng 7 lớp – khổ 2.200 mm:

• **Mục tiêu:**

- Chọn được Dây chuyền dợn sóng chất lượng, đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Giá cả cạnh tranh nhất.

- Nhà cung cấp có kinh nghiệm, uy tín và Công ty đã tham quan thực tế thiết bị sản xuất.
- Chọn những nhà thầu đã cung cấp thiết bị tại thị trường Việt Nam trong 3 năm gần nhất (2013-2014-2015).
- Loại bỏ những nhà thầu không đáng tin.
- **Hình thức chọn thầu:**
 - Đấu thầu hạn chế không đăng báo mời thầu.
 - Không bắt buộc thực hiện đảm bảo dự thầu.
 - Phương thức chọn thầu: chấm theo thang điểm đề xuất của đơn vị.
 - Danh sách nhà cung cấp đề xuất:
 - + Champion Machinery Co., Ltd. (**Champion**)
 - + Guangdong Zhaoqing Xijiang Packaging Machinery Co., Ltd. (**West River**)
 - + Guangdong Wanlian Packaging Machinery Co., Ltd. (**Wanlian**)
 - + Hongkong Jingshan Corrugating Machinery Co., Ltd. (**Hubei**)
 - + Foshan Nanhai Fuli Packaging Machinery co., Ltd. (**Fuli**)

Với mục tiêu hiện đại hoá máy móc thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, giảm hao phí lao động trên từng đơn vị sản phẩm và đón đầu nhu cầu thị trường ở dòng sản phẩm chất lượng cao hơn trong thời gian tới Công ty tập trung nguồn lực trong đầu tư chiều sâu và phát triển mở rộng sản xuất. Để tăng khả năng chủ động về vốn đầu tư và giảm bớt vốn vay Công ty dự kiến tỉ lệ chia cổ tức cho năm 2016 là 15%.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2016:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
01	- Tổng doanh thu	Tr đ	290.000
02	- Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	15.500
03	- Cổ tức	%	15

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi gửi:

- Như trên
- UBCKNN, SGDC, HĐQT, BKS.



Lê Tiên Anh

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 143 /BC-HĐQT

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT VÀ BKS NĂM 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đông Á

- Căn cứ luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đông Á;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán ngày 26/03/2016;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 225/NQĐHĐCĐ-ĐA ngày 17/05/2013;
- Căn cứ nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, BKS năm 2015;

Hội đồng quản trị Công ty CP Đông Á báo cáo ĐHĐCĐ về việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 như sau:

BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2015:

STT	Diễn giải	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013	Thực chi năm 2015	Ghi chú
1	Thù lao	186.000.000	93.000.000	Thù lao mới chi 6 tháng đầu năm 2015.
Tổng cộng		186.000.000	93.000.000	

Như vậy, HĐQT Công ty đã thực hiện chi thù lao HĐQT, BKS, TK theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- UBCKNN, SGĐCK, HĐQT, BKS, TK
- Lưu TKHĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Tiến Anh



PHỤ LỤC V
NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

STT	Điều khoản Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sau sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Điều 1, Khoản 4	4. “ Luật doanh nghiệp ” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề: o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	4. “ Luật doanh nghiệp ” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Thay đổi Luật Doanh nghiệp
1	Điều 19, khoản 2.2, mục o		Bỏ	Điều 135 luật DN không quy định
2	Điều 21 khoản 1	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất 30 ngày.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất 10 ngày.	Điều 137 khoản 1 luật DN
3	Điều 22 khoản 2	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:	2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng	Điều 139 khoản 1 luật DN

	<p>khoản nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều 141, luật DN</p>
<p>Điều 23 Khoản 1 và 2</p>	<p>2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày), kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều 141, luật DN</p>

5	Điều 24, khoản 2.e	<p>2. Trong những trường hợp cấp bách cần thiết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không nhất thiết phải triệu tập Đại hội:</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	<p>2. Trong những trường hợp cấp bách cần thiết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không nhất thiết phải triệu tập Đại hội:</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	Điều 143 luật DN
6	Điều 25, khoản 2	<p>Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi:</p> <p>a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>2. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:</p> <p>a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; - Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>c) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại</p>	Điều 144, luật DN

	Điều 29 khoản 2	<p>Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty</p> <p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty.</p> <p>Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>điện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty.</p>	Điều 152 khoản 1 luật DN
7		<p>Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	<p>Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị là 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	Điều 150 luật DN.
8	Điều 30, khoản 1	<p>Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	<p>Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị là 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p>	Điều 149, khoản h, luật DN
9	Điều 32, khoản 5	<p>Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (trừ các loại hợp đồng mua hoặc bán tài sản theo điều 22, khoản 2, mục h quy định tại Điều lệ này) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ trường hợp qui định tại Điều 45 của Điều lệ này.</p>	<p>Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với loại hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm l khoản 2.2 điều 19 và điều 41 của Điều lệ này;</p>	Điều 157 luật DN không quy
10	Điều 37 khoản d.4	<p>Giám đốc: Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ</p>	<p>Bỏ</p>	Điều 157 luật DN không quy

	<p>quản trị nào hoặc điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.</p>	<p>Định</p>	<p>Điều 162 luật DN</p>
<p>Điều 41</p>	<p>Phạm vi các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ chỉ được ký kết theo các qui định sau đây:</p> <p>a. Đối với các hợp đồng mua bán, dịch vụ có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp</p>	<p>định</p>

đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả

	Điều 49, khoản 1	<p>Phân phối lợi nhuận và lập quỹ</p> <p>➢ Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế TNDN bao gồm theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Quỹ dự trữ bắt buộc: được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế, nếu mức trích cao hơn phải do Đại hội đồng Cổ đông quy định. Quỹ dự trữ của Công ty có thể được dùng để duy trì tài sản của Công ty, để bổ sung vốn điều lệ hoặc dự trữ các rủi ro tài chính cho năm tài chính sau. Quỹ này dự trữ cho đến mức 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: từ 10% - 15% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>3. Quỹ khen thưởng phúc lợi: từ 5% - 10% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>.....</p>	<p>cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>Phân phối lợi nhuận và lập quỹ</p> <p>➢ Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế TNDN bao gồm theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>1. Bỏ</p> <p>2. Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: từ 10% - 15% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>3. Quỹ khen thưởng phúc lợi: từ 5% - 10% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>.....</p>
--	------------------	--	---

Căn cứ luật, thông tư hướng dẫn :

- Luật doanh nghiệp : số 68/2014/QH13 được thông qua ngày 01/07/2015

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tiên Anh

Nơi gửi:
-UBCKNN, SGDCK, Cổ đông
-HDQT, BKS, HCQT. - Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Nha Trang, ngày 23 tháng 4 năm 2016



BÁO CÁO

THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á



Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát đã được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Đông Á được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và kế toán AAC.

Ban kiểm soát Công ty xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty CP Đông Á như sau:

I. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015:

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Đông Á, Ban kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Năm 2015 doanh thu thực hiện của Công ty là: 283 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế 12,9 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện pháp luật Nhà nước và quy định của Công ty:

1. Tình hình thực hiện pháp luật Nhà nước:

a) Thực hiện pháp lệnh về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách:

Đến cuối ngày 31/12/2015 tình hình kê khai và nộp Ngân sách của Công ty tuân thủ đúng quy định. Tổng số thuế còn phải nộp là 1 tỷ 376 triệu đồng, chủ yếu là thuế TNDN, Công ty đã thực hiện nộp trong quý I/2015.

b) Thực hiện công bố thông tin:

Trong năm 2015 Công ty đã thực hiện đúng chế độ công bố thông tin định kỳ và tức thời theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Tình hình thực hiện các quy định của công ty:

a) Tình hình công nợ:

Công ty đã kiểm soát tương đối tốt về tình hình công nợ, đến thời điểm ngày 31/12/2015 tổng dư nợ phải thu từ khách hàng là 38.041 triệu đồng, tất cả các khoản nợ đều đã được khách hàng xác nhận.

b) Tình hình trích lập dự phòng

Năm 2015, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng nợ khó đòi theo đúng quy định, số dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2015 là 3.464 triệu đồng.

III. Tình hình kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành của công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Hội đồng quản trị gồm 4 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu và bổ nhiệm, nhiệm kỳ 2012 – 2016.

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2015 đã tuân thủ Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Mặc dù thị trường biến động phức tạp, kinh tế vĩ mô bất ổn nhưng với sự nỗ lực lớn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã có những giải pháp thích hợp, kịp thời và đã điều hành công ty đạt kết quả tốt.

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã nhiều lần tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các buổi họp. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT tập trung vào các vấn đề chủ yếu: triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình đầu tư, xây dựng cơ bản và đã đưa ra các quyết định đầu tư kịp thời, đúng hướng, có hiệu quả cao.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ 2012-2016, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý và điều hành Công ty. Định kỳ, BKS xem xét đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, Ban kiểm soát đã tham dự các phiên họp của HĐQT, nắm bắt thông tin kịp thời và có ý kiến đóng góp về những vấn đề có liên quan như công tác kiểm soát, tình hình đầu tư, chia cổ tức của Công ty.

IV. Nhận xét và kiến nghị:

Mặc dù tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng trong năm 2015 Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong năm 2016 cần tập trung một số công việc như sau:



1. Kính đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành nỗ lực ổn định thị phần, từng bước nâng cao thị phần, tập trung phát triển thị trường trọng điểm Miền trung, linh hoạt trong chiến lược kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư để có nền tảng phát triển trong dài hạn.

Kính thưa đại hội,

Ban kiểm soát đã trình bày báo cáo soát xét tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty Cổ phần Đông Á, kính trình đại hội thông qua.

Trân trọng.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tấn Huy



TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 144 /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 04 năm 2016



TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2016



Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Á kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

II. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán:

1. Là công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn;
3. Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
4. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
5. Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
6. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán.

II. Danh sách các công ty kiểm toán:

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban kiểm soát kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016 của Công ty như sau:

STT	Tên công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C	Số 2, Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TPHCM
2	Công ty TNHH kế toán và kiểm toán AAC	Số 78-80, đường 30/04, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

III. Đề xuất của Ban Kiểm Soát:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán nêu trên;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng kiểm toán

(bao gồm việc ký hợp đồng với công ty kiểm toán mới trong trường hợp chấm dứt hợp đồng với công ty kiểm toán đã được HĐQT lựa chọn lần đầu).

- Trong trường hợp Công ty không chọn được một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí lựa chọn đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

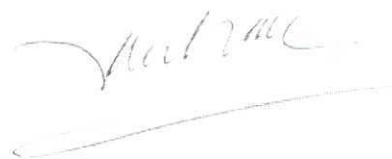
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCK, SGDCK
- Website Đông Á;
- Lưu



Nguyễn Tấn Huy

